

Bản án số: 74/2018/HS-ST
Ngày: 26-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 76/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. TÀI HU HA M (M), sinh năm: 1990 tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: chăm; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tài Văn Ch và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Hồ Thị R, sinh năm: 1992; Có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2010/HS-ST ngày 03/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2011/HS-ST ngày 12/10/2011 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (tài sản chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng), Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2013/HS-ST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Tiền sự: không; Bị cáo đang chấp hành án hình phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HS-ST ngày 24/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An từ ngày 09/6/2016. (Có mặt)

2. HUỖNH VẮN H (B), sinh ngày: 21/3/1997 tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không có; Nơi đã cư trú: ấp T, xã TPL, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: KINH; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1974 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1978; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo đang chấp hành án hình phạt 07 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 01/2016/QĐ-TA (THHP) ngày 13/12/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An (tổng hợp hình phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HSST ngày 24/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An với hình phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An) từ ngày 09/6/2016. (Có mặt)

- Bị hại:

Nguyễn Việt Kh, sinh năm: 1966;

Nơi cư trú: Số 26B5, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Người làm chứng:

Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: Số 45/4, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 20/5/2016, Tài Hu Ha M điều khiển xe mô tô biển số 62K2-3727 chở Huỳnh Văn H đi từ tỉnh Long An về thành phố BT, tỉnh Bến Tre gặp Nguyễn Văn H và cùng nhậu tại quán B ở phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn H dẫn M và Huỳnh Văn H đến nhà trọ số 98 của anh Nguyễn Việt K ở số 28B5, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thuê phòng số 12 trên lầu để M và Huỳnh Văn H nghỉ. Tại đây, do từng thuê nhà trọ của anh K để ở, Nguyễn Văn H biết được nơi để chìa khóa mở cửa nhà trọ của anh K nên có chỉ cho M biết để tiện ra vào rồi trở lại quán B ngủ. Đến khoảng 02 giờ ngày 21/5/2016, M nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, biển số 71B1-70382 của anh K nên rủ Huỳnh Văn H lấy trộm xe thì Huỳnh Văn H đồng ý. Để thực hiện ý định, M xuống lấy chìa khóa mở cửa nhà trọ số 98 cho Huỳnh Văn H xuống khu vực để xe lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, biển số 71B1-70382 của anh K dẫn ra ngoài. Sau khi ra khỏi nhà trọ, Huỳnh Văn H điều khiển xe mô tô biển số 71B1-70382 vừa trộm được của anh K, M điều khiển xe mô tô biển số 62K2-3727 của M, cả hai cùng chạy về thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến cầu B, thuộc huyện B, thành phố

Hồ Chí Minh, M và Huỳnh Văn H bán xe mô tô trộm được của anh K cho người thanh niên tên Hùng (không rõ họ tên, địa chỉ) được 3.500.000 đồng, M và Huỳnh Văn H chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 255/KL-HĐĐG ngày 04/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô biển số 71B1-70382, nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, màu sơn đỏ-đen-bạc, số máy: JF27E0206642, số khung: 1804AY166733, trị giá vào ngày 21/5/2016 là 16.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSTPBT ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Tài Hu Ha M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Tài Hu Ha M và Huỳnh Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Tài Hu Ha M từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Tổng hợp hình phạt, buộc các bị cáo pH chấp hành hình phạt chung của các bản án.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Việt K 16.800.000 đồng.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng minh nhân dân số 301675175 mang tên Nguyễn Văn V.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Các bị cáo Tài Hu Ha M và Huỳnh Văn H có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 21/5/2016, tại nhà trọ số 98 ở số 28B5, khu phố B, phường P, thành phố Bến Tre BT, tỉnh Bến Tre, các bị cáo đã có hành vi cấu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Việt K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, biển số 71B1 – 703.82. Sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo đem bán cho một thanh niên tên Hùng (không rõ lai lịch) được 3.500.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân hết, sau đó thì hành vi của các bị cáo bị

phát hiện. Các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Nguyễn Việt K trình bày: anh là chủ nhà trọ, các bị cáo đến thuê nhà trọ của anh. Các bị cáo đã lấy trộm của anh 01 chiếc xe mô tô biển số 71B1 – 703.82 nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, không thu hồi được. Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị xe mô tô của anh là 16.800.000 đồng, anh yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho anh số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Tài Hu Ha M và Huỳnh Văn H tại phiên tòa là vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 21/5/2016, tại nhà trọ số 98 ở số 28B5, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, các bị cáo đã có hành vi cấu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Việt K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, biển số 71B1 – 703.82. Sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo đem bán cho một thanh niên tên Hùng (không rõ lai lịch) được 3.500.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân hết, sau đó thì hành vi của các bị cáo bị phát hiện. Đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Giá trị tài sản của bị hại bị các bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xác định là 16.800. 000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với giá trị, không khiếu nại gì, Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với các bị cáo. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 20/5/2016, bị cáo M đã nhiều lần bị kết án cùng về tội “ Trộm cắp tài sản” (đã tái phạm) chưa được xóa án tích lại tiếp tục vi phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Xét về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, thấy rằng: Đối với bị cáo M giữ vai trò là người rủ rê và cũng là người thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích; Đối với bị cáo H giữ vai trò là người giúp sức trong vụ án, mặc dù nhân thân của bị cáo được xác định là không có tiền án, tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ”, đồng thời bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngoài ra, bị cáo M còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là đang có nghĩa vụ nuôi con dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HS-ST ngày 24/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử phạt bị cáo Tài Hu Ha M 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 01/2016/QĐ-TA (THHP) ngày 13/12/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã tổng hợp hình phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HSST ngày 24/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An với hình phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, buộc bị cáo Huỳnh Văn H pH chấp hành hình phạt 07 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung của các bản án. Các bị cáo chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Hòa từ ngày 09/6/2016, tính đến ngày 25/6/2018 các bị cáo đã chấp hành được 02 năm 17 ngày tù. Vì vậy, thời gian đã chấp hành hình phạt này được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Việt K yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là 16.800.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên ghi nhận để buộc các bị cáo thực hiện.

[7] Về phân xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 giấy chứng minh nhân dân số 301675175 mang tên Nguyễn Văn V. Xét thấy, bị cáo H đã dùng hình của mình dán vào để sử dụng giấy chứng minh trên, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với Nguyễn Văn H qua kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định có đồng phạm với các bị cáo nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, các bị cáo Tài Hu Ha M và Huỳnh Văn H pH nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Tài Hu Ha M (Mách) và Huỳnh Văn H (Bi) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Tài Hu Ha M 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Tổng hợp với hình phạt 05 (Năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HS-ST ngày 24/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, buộc bị cáo Tài Hu Ha M chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng, nhưng được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt tù tính đến ngày 25/6/2018 là 02 (Hai) năm 17 (Mười bảy) ngày tù, thời hạn tù còn lại pH chấp hành là 05 (Năm) năm 5 (Năm) tháng 13 (Mười ba) ngày tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2018.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Tổng hợp với hình phạt 07 (Bảy) năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HSST ngày 24/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 01/2016/QĐ-TA (THHP) ngày 13/12/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, buộc bị cáo Huỳnh Văn H chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù, nhưng được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt tù tính đến ngày 25/6/2018 là 02 (Hai) năm 17 (Mười bảy) ngày tù, thời hạn tù còn lại pH chấp hành là 06 (Sáu) năm 5 (Năm) tháng 13 (Mười ba) ngày tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2018.

2. Áp dụng 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Tài Hu Ha M và Huỳnh Văn H phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Việt K 16.800.000 (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn) đồng, phần mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì các bị cáo phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 301675175 mang tên Nguyễn Văn V.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý)

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Tài Hu Ha M và Huỳnh Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo Tài Hu Ha M và Huỳnh Văn H phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 840.000 (Tám trăm, bốn mươi nghìn) đồng, phần mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An (1b);
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An (1b);
- Các bị cáo, bị hại (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (4b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình